

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2020 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Dư nguồn đến ngày 31/12/2019	Ước thực hiện trong năm 2020				Dư nguồn đến 31/12/2020	Kế hoạch năm 2021					Dư nguồn đến ngày 31/12/2021
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm		Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Trong đó: Bỗ sung vốn điều lệ	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP				Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP				
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9	10	11=7-9	12=6+11
I	Nhóm các Quỹ có tính chất hỗ trợ, phát triển kinh tế, xã hội, bảo toàn và phát triển vốn	742.981	394.271	80.807	310.664	83.607	826.588	282.933	21.000	548.867	21.000	(265.934)	560.654
1	Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Quảng Nam	27.099	32.235	10.000	42.762	(10.527)	16.572	36.178	7.000	46.987	7.000	(10.809)	5.763
2	Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Nam	1.209	35.408	15.000	35.831	(423)	786	31.595	7.000	31.595	7.000	-	786
3	Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam	291.480	115.190		159.212	(44.022)	247.458	97.202	-	280.000		(182.798)	64.660
a	Quỹ Hỗ trợ ngư dân tỉnh Quảng Nam	10.824	33.067	15.000	13.966	19.101	29.925	31.061	7.000	45.878	7.000	(14.817)	15.108
b	Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Nam	308.868	172.791	40.807	58.614	114.177	423.045	83.497	-	89.099		(5.602)	417.443
c	Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Quảng Nam	103.501	5.580		279	5.301	108.802	3.400	-	55.308		(51.908)	56.894
II	Nhóm các Quỹ có tính chất hỗ trợ, phát triển kinh tế và an sinh xã hội, không bảo toàn và phát triển vốn	71.538	133.425	19.070	141.942	(8.517)	63.021	145.620	18.300	121.463	-	24.157	84.693
4	Quỹ Phòng chống tội phạm tỉnh Quảng Nam	-	500	500	145	355	355	300	300	500		(200)	155

TT	Đơn vị	Dư nguồn đến ngày 31/12/2019	Ước thực hiện trong năm 2020				Dư nguồn đến 31/12/2020	Kế hoạch năm 2021					Dư nguồn đến ngày 31/12/2021
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm		Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Trong đó: Bỗ sung vốn điều lệ	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP				Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP				
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9	10	11=7-9	12=6+11
5	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Quảng Nam	29.307	96.494		99.257	(2.763)	26.544	86.584	-	86.584		-	26.544
6	Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Nam	29.971	6.517		15.819	(9.302)	20.669	30.000	-	6.000		24.000	44.669
7	Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Quảng Nam	-	17.700	17.770	15.215	2.485	2.485	17.200	17.200	17.200		-	-
8	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa và Bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Nam	4.605	3.397	500	2.779	618	5.223	3.000	500	2.850		150	5.373
9	Quỹ vì người nghèo tỉnh Quảng Nam	873	3.114	-	2.710	404	1.277	2.000	-	1.800		200	1.477
10	Quỹ Khuyến học tỉnh	5.544	5.217	300	5.248	(31)	5.513	5.700	300	5.810		(110)	5.403
11	Quỹ chất độc da cam/đioxin	746	450		750	(300)	446	800	-	700		100	546
12	Quỹ thấp sáng ước mơ tuổi trẻ Quảng Nam	492	36	-	19	17	509	36		19		17	526
	Tổng cộng	814.519	527.696	99.877	452.606	75.090	889.609	428.553	39.300	670.330	21.000	(241.777)	645.347